

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **84/2025/DS-ST**

Ngày: 22/8/2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Phương

Ông Võ Văn Bảy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Phạm Kiều Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:

Công ty TNHH M;

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH M: Bà Nguyễn Thị Tháp G, sinh năm 1992 (văn bản ủy quyền đề ngày 20/01/2025) (có mặt);

HKTT: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp M, xã H, tỉnh Đồng Tháp).

Nơi ở hiện nay: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Bi đơn:

Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 01 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH M có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Tháp G trình bày:

- Ngày 06/3/2024, Công ty TNHH M mua của ông Nguyễn Văn V 01 chiếc xe mô tô loại hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, biển số 63B2-413.62, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy mang tên Nguyễn Văn V.

- Tiền mua xe: 8.000.000 đồng. Công ty đã giao đủ tiền cho ông V.

Vì ông V có nhu cầu muốn thuê lại chiếc xe nêu trên để đi lại phục vụ trong công việc và cuộc sống nên Công ty đã cho ông V thuê lại xe, hai bên thỏa thuận như sau:

- Thời gian thuê xe: 02 tháng từ ngày 06/3/2024 đến 06/5/2024.

- Phí dịch vụ thuê xe: 640.000 đồng/tháng. Thời gian thanh toán bắt đầu từ ngày thuê xe 30 ngày 01 lần kể từ ngày thuê xe. Ông V đã thanh toán tiền thuê xe cho công ty từ ngày 06/3/2024 đến ngày 06/8/2024 với số tiền 3.200.000 đồng. Nhưng khi hết hạn thuê xe thì ông V không trả lại xe.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, số máy 55P1414002, số khung 5P10EY413971, biển số 63B2-413.62; phí phụ trội tạm tính từ ngày 06/8/2024 đến ngày 20/01/2025 là 05 tháng x 640.000 đồng/tháng x 150% = 4.800.000 đồng.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M tiền mua xe là 8.000.000 đồng và tiền thuê xe từ ngày 06/8/2024 đến ngày 06/8/2025 là 11 tháng x 640.000 đồng/tháng = 7.040.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông V phải trả là 15.040.000 đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 430, Điều 472 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản*”. Bị đơn ông Nguyễn Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp) căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[3] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 15.040.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp bản chính hợp đồng mua bán xe đề ngày 06/3/2024 và Hợp đồng thuê xe đề ngày 06/3/2024 có chữ ký của bên A là ông Nguyễn Văn V và bên B là Công ty TNHH M.

[3.1] Xét, hợp đồng mua bán xe giữa bên mua là Công ty TNHH M và bên bán là ông Nguyễn Văn V được ký về việc mua bán một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, số máy 55P1414002, số khung 5P10EY413971, biển số 63B2-413.62. Căn cứ vào hợp đồng mua bán xe đề ngày 06/3/2024 hai bên thỏa thuận mua bán xe mô tô biển số 63B2 - 41362 với giá 8.000.000 đồng. Ngày 06/3/2024, hai bên thỏa thuận bị đơn thuê lại chiếc xe trên để sử dụng với tiền thuê là 640.000 đồng/tháng. Mặc dù, hợp đồng mua bán xe không được công chứng theo quy định tại Điều 10 Thông tư 24/2023/TT-BCA ngày 01/7/2023, nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015 đây là giao dịch dân sự không vô hiệu nếu đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ. Trong vụ án này, các bên đã thực hiện đầy đủ việc giao xe và thanh toán tiền mua xe. Do đó, Hợp đồng mua bán xe có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Sau khi hết thời hạn thuê xe vào ngày 06/5/2024, bị đơn không trả xe cho nguyên đơn, từ ngày 06/8/2024 thì bị đơn cũng không tiếp tục thanh toán tiền thuê xe theo thỏa thuận. Tính đến ngày xét xử, bị đơn vẫn đang chiếm giữ và sử dụng xe. Hành vi không trả xe, không thanh toán tiền thuê xe đúng hạn của bị đơn đã xâm phạm nghiêm trọng quyền sở hữu của nguyên đơn, làm cho nguyên đơn không thể tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán xe. Do đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền mua xe là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Xét về yêu cầu thanh toán tiền thuê xe: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thuê xe tính từ ngày 06/8/2024 đến ngày 06/8/2025 với số tiền là 11 tháng x 640.000 đồng/tháng = 7.040.000 đồng. Do bị đơn đã sử dụng xe nhưng không thanh toán tiền thuê, nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2025 thì nguyên đơn Công ty TNHH M có yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, số máy

55P1414002, số khung 5P10EY413971, biển số 63B2-413.62, phí phạt tạm tính từ ngày 06/8/2024 đến ngày 20/01/2025 là 05 tháng x 640.000 đồng/tháng x 150% = 4.800.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Bị đơn ông Nguyễn Văn V dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông V đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn có nghĩa vụ trả, nhưng ông V đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không. Việc ông V đã được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác nên xem như ông V đã thừa nhận có việc mua bán xe và thuê xe và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền là 15.040.000 đồng (trong đó tiền mua xe 8.000.000 đồng, tiền thuê xe 7.040.000 đồng). Hủy hợp đồng mua bán xe đề ngày 06/3/2024. Khi ông V thanh toán xong toàn bộ số tiền 15.040.000 đồng cho Công ty TNHH M thì Công ty TNHH M có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông V bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024836, tên chủ xe Nguyễn Văn V được Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/11/2016.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 752.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 129, Điều 357, Điều 428, Điều 429, Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 479, Điều 481, Điều 482 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

- Đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M đối với yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Văn V phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty TNHH M xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, số máy 55P1414002, số khung 5P10EY413971, biển số 63B2-413.62, phí phụ trội tạm tính từ ngày 06/8/2024 đến ngày 20/01/2025 là 05 tháng x 640.000 đồng/tháng x 150% = 4.800.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền là 15.040.000 (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), (gồm: tiền mua xe 8.000.000 (Tám triệu đồng), tiền thuê xe 7.040.000 (Bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)). Hủy hợp đồng mua bán xe đề ngày 06/3/2024.

Khi ông V thanh toán xong toàn bộ số tiền 15.040.000 (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) cho Công ty TNHH M thì Công ty TNHH M có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông V bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024836, tên chủ xe Nguyễn Văn V được Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 17/11/2016.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn V phải chịu 752.000 (Bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại Công ty TNHH M số tiền 656.000 (Sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH M đã nộp theo biên lai thu số 0000794 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa

